

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 420/2026/DS-ST
Ngày: 24-6-2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Thương Trang

2. Bà Mai Thị Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiếu Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1229/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 332/2026/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 284/2026/QĐST - DS ngày 28 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lý Quốc T, sinh năm 1982, số CCCD: 084082000186. Địa chỉ thường trú: 3 L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ nơi ở hiện tại: C B, phường T (Phường A, quận T cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Bùi N, sinh năm 1979, số CCCD: 079079019412. Địa chỉ thường trú: 257/4 L, Khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền số 008420/2025/CCGD ngày 01/10/2025 của Văn phòng C) (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Phương T1, sinh năm 1979, số CCCD: 064179001570. Địa chỉ: 3 ấp F, xã X (ấp N, xã T, huyện H cũ) Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Bùi Thúy N1, sinh năm 2001, số CCCD: 086301007937. Địa chỉ: C B, phường T (Phường A, quận T cũ), Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án - nguyên đơn ông Lý Quốc T do ông Trần Bùi N là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Lý Quốc T và bà Nguyễn Thị Phương T1 là bạn bè quen biết với nhau. Bà T1 cần tiền để giải quyết chuyện riêng nên được ông T cho vay tiền theo Giấy vay tiền ngày 10/7/2024 được lập giữa ông T với bà T1. Số tiền ông T cho bà T1 vay là 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng, giao nhận bằng tiền mặt và được bà T1 ký xác nhận đã nhận đủ số tiền tại Giấy vay tiền nêu trên. Thời hạn vay là 30 ngày kể từ ngày 10/7/2024. Lãi suất: 0.1%/ngày (tương đương 3%/tháng); mục đích vay tiền để mua đất. Ngày 26/11/2024, bà T1 đã trả cho ông T số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng. Kể từ đó, bà T1 không thực hiện nghĩa vụ theo đúng thỏa thuận. Nên đến ngày 01/10/2025, ông Lý Quốc T khởi kiện yêu cầu:

Buộc bà T1 phải trả tiền nợ gốc số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng; lãi trong hạn chưa trả (01 tháng) là 13.000.000 đồng; lãi quá hạn trên nợ gốc 800.000.000 đồng (từ ngày 10/7/2024 đến ngày 26/11/2024) số tiền 40.000.000 đồng; lãi trên nợ gốc 500.000.000 đồng (từ ngày 26/11/2024 đến ngày 10/9/2025) số tiền 65.625.000 đồng và lãi quá hạn trên nợ gốc tương ứng với thời gian trả dứt điểm nợ gốc. Tổng số tiền yêu cầu bà T1 trả tạm tính là 618.625.000 đồng.

Ngày 15/12/2025, ông Lý Quốc T có Đơn xin thay đổi, bổ sung đơn khởi kiện như sau:

Yêu cầu Tòa án buộc bà T1 trả tiền nợ gốc số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng. Bà T1 tiếp tục trả lãi với lãi suất 20%/năm của tiền nợ gốc 500.000.000 đồng, với thời gian từ ngày 26/11/2024 cho đến ngày 10/9/2025 (10 tháng 15 ngày) số tiền lãi phải trả là 87.500.000 đồng. Từ ngày 10/9/2025, bà T1 tiếp tục trả lãi đến khi trả hết số nợ trên với lãi suất 20%/năm.

Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bà T1 trả (tạm tính đến ngày 10/9/2025) số tiền 587.500.000 đồng.

Ngày 10/6/2026, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Bùi N thay đổi yêu cầu tính lãi: Yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Phương T1 trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng và lãi (thời gian từ ngày 26/11/2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 24/6/2026) là 18 tháng 28 ngày với lãi suất 10%/năm số tiền 78.835.616 đồng. Tổng số tiền nguyên đơn buộc bị đơn trả là 578.835.616 đồng. Ngoài ra, bị đơn bà T1 còn phải tiếp tục chịu lãi suất theo quy định cho đến khi trả đủ số tiền trên.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương T1 vắng mặt không có lý do trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thúy N1 có đơn xin vắng mặt nhưng có ý kiến trình bày như sau:

Bà và ông T kết hôn từ năm 2022, ông T và bà T1 có thực hiện các giao dịch liên quan đến tiền bạc và xảy ra tranh chấp, việc này là tài sản cá nhân của ông T và ông T là người toàn quyền quyết định, định đoạt đối với tài sản của cá nhân ông T. Bà N1 không có ý kiến nào trong việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản nêu trên.

Bà N1 không khiếu nại, không có ý kiến với kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đối với tranh chấp nêu trên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Có căn cứ buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc và lãi của tài sản vay trong đó: Nợ gốc 500.000.000 đồng; Nợ lãi phát sinh 78.835.616 đồng. Tổng gốc và lãi còn là 578.835.616 đồng và tuyên tiền lãi phát sinh ngày tiếp theo là phù hợp quy định tại các Điều 91, 92 và Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, 274, khoản 1 Điều 275, 295, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Lý Quốc T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Phương T1 trả lại số tiền 578.835.616 đồng. Trong đó: Nợ gốc 500.000.000 đồng; Nợ lãi phát sinh: 78.835.616 đồng. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp vay tài sản”.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương T1 có địa chỉ cư trú trên địa bàn xã X, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.3] Về thủ tục xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

2. Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nợ gốc:

Căn cứ vào Giấy vay tiền ngày 10/7/2024, có chữ ký và lấn tay của bà Nguyễn Thị Phương T1 thể hiện bà T1 có vay của ông T số tiền 800.000.000 đồng trong thời hạn 30 ngày, lãi suất thoả thuận là 0,1%/ngày, bà T1 có ghi nội dung: “Tôi đã

nhận đủ số tiền tám trăm triệu đồng” vào Giấy vay tiền nêu trên. Ngày 26/11/2024, bà T1 đã trả cho nguyên đơn số tiền 300.000.000 đồng. Nhưng sau đó, bà T1 không trả tiếp số nợ còn lại. Do đó, ông Lý Quốc T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Phương T1 trả số tiền nợ gốc còn thiếu 500.000.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu khởi kiện về lãi suất:

Căn cứ vào Giấy vay tiền ngày 10/7/2024, hai bên có thỏa thuận lãi suất 0.1%/ngày (tương đương 36%/năm) trong thời hạn 30 ngày, sau thời gian này hai bên không thỏa thuận lãi suất. Ông T khởi kiện yêu cầu bà T1 trả lãi từ ngày 26/11/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 24/6/2026 (18 tháng 28 ngày) với lãi suất 10%/năm với số tiền 78.835.616 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[2.3] Bị đơn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng mặc dù đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng. Đồng thời, bị đơn cũng không cung cấp văn bản thể hiện việc phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự thì bị đơn có quyền đưa ra các chứng cứ để chấp nhận hoặc bác bỏ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn không thực hiện xem như từ bỏ quyền chứng minh của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được để giải quyết vụ án. Từ những lý do trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý Quốc T về việc buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị Phương T1 phải trả cho ông số tiền nợ theo Giấy vay tiền ngày 10/7/2024 gồm: tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi 78.835.616 đồng, tổng cộng là 578.835.616 đồng.

[2.4] Theo kết quả xác minh của Công an xã X “...bà T1 đã ly hôn từ tháng 5/2024 đến nay, không có thông tin về việc bà T1 kết hôn lần nữa...” do đó nguyên đơn yêu cầu cá nhân bà T1 có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn là phù hợp.

[3] Từ những phân tích nêu trên, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông Lý Quốc T được chấp nhận toàn bộ nên bà Nguyễn Thị Phương T1 phải chịu án phí theo quy định pháp luật. H lại cho ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 463, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lý Quốc T đối với bà Nguyễn Thị Phương T1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị Phương T1 có nghĩa vụ trả cho ông Lý Quốc T số tiền nợ tổng cộng là **578.835.616** (năm trăm bảy mươi tám triệu tám trăm ba mươi lăm ngàn sáu trăm mười sáu) đồng, trong đó, số nợ gốc còn lại chưa thanh toán là **500.000.000** đồng; số tiền lãi **78.835.616** đồng **tính đến ngày 24/6/2026**.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Phương T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm **27.153.425** (hai mươi bảy triệu một trăm năm mươi ba ngàn bốn trăm hai mươi lăm) đồng.

Hoàn trả cho ông Lý Quốc T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.372.000 (mười bốn triệu ba trăm bảy mươi hai ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0039155 ngày 18/11/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND khu vực 8 – TP. HCM;
- Phòng THADS khu vực 8 – TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thương